HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 41 /2016/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 12 năm 2016*

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 3 năm 2013 của HĐND tỉnh quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Quảng Ngãi

SỞ TƯ PHÁP QUẢNG NGÃI
ĐẾN Số: 81
Ngày: 05.01.2017
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 29 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của liên Bộ Tài chính – Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Xét Tờ trình số 24/TTr-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 06/2013/NQ–HĐND ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Quảng Ngãi; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Quảng Ngãi

1. Mục I được bổ sung như sau:

a) Bổ sung mức chi thẩm tra cho cấp xã tại các khoản 1, 2, 3 và 4:

"1. Chi soạn thảo các báo cáo thẩm tra (đồng/báo cáo): cấp xã 120.000 đồng

2. Chi viết báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia thẩm tra, chỉnh lý Nghị quyết (đồng/báo cáo): cấp xã 120.000 đồng

3. Chi cho việc chuẩn bị nội dung cần tập trung thảo luận cho ý kiến về Nghị quyết (đồng/báo cáo): cấp xã 100.000 đồng

4. Chi cho việc xây dựng báo cáo tập hợp, tổng hợp ý kiến của đại biểu HĐND, các cơ quan tham gia góp ý về Nghị quyết (đồng/báo cáo): cấp xã 150.000 đồng"

b) Bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Chi soạn thảo văn bản xem xét đề nghị ban hành nghị quyết của Thường trực HĐND tỉnh: Cấp tỉnh: 500.000 đồng/văn bản".

c) Bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Chi xây dựng, tổng hợp ý kiến thảo luận Tổ đại biểu (nếu có) (đồng/văn bản/kỳ họp): cấp tỉnh: 500.000 đồng, cấp huyện: 300.000 đồng, cấp xã: 150.000 đồng."

2. Mục IV được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Nội dung thứ nhất điểm a khoản 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"* Đối với hoạt động giám sát của HĐND:

- Chi xây dựng Nghị quyết của HĐND về việc thành lập Đoàn giám sát (bao gồm cả kế hoạch và nội dung giám sát) (đồng/văn bản): cấp tỉnh 1.400.000 đồng, cấp huyện 700.000 đồng, cấp xã 350.000 đồng.

- Chi xây dựng đề cương giám sát (đồng/văn bản): cấp tỉnh 1.600.000 đồng, cấp huyện 800.000 đồng, cấp xã 400.000 đồng.

- Chi xây dựng báo cáo giám sát theo từng đợt giám sát (đồng/văn bản): cấp tỉnh 1.800.000 đồng, cấp huyện 900.000 đồng, cấp xã 450.000 đồng.

- Chi xây dựng báo cáo giám sát chung của Đoàn giám sát (đồng/văn bản): cấp tỉnh 4.000.000 đồng, cấp huyện 2.000.000 đồng, cấp xã 1.000.000 đồng.

- Chi xây dựng Nghị quyết về vấn đề được giám sát: cấp tỉnh 4.000.000 đồng, cấp huyện 2.000.000 đồng, cấp xã 1.000.000 đồng.

* Đối với hoạt động giám sát của Thường trực HĐND tỉnh:

- Chi xây dựng Quyết định thành lập Đoàn giám sát (kể cả kế hoạch và nội dung giám sát) (đồng/quyết định): cấp tỉnh 1000.000 đồng, cấp huyện 500.000 đồng, cấp xã 250.000 đồng.

- Chi xây dựng đề cương giám sát (đồng/văn bản): cấp tỉnh 1.600.000 đồng, cấp huyện 800.000 đồng, cấp xã 400.000 đồng.

- Chi xây dựng báo cáo giám sát theo từng đợt giám sát (đồng/báo cáo): cấp tỉnh 1.200.000 đồng.

- Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát chung của Đoàn giám sát (đồng/báo cáo): cấp tỉnh 3.000.000 đồng, cấp huyện 1.500.000 đồng, cấp xã 750.000 đồng.

- Chi xây dựng thông báo kết luận của Thường trực HĐND gửi đến các tượng chịu sự giám sát (đồng/văn bản): cấp tỉnh 500.000 đồng, cấp huyện 250.000 đồng, cấp xã 125.000 đồng."

b) Bổ sung mức chi đối với hoạt động giám sát của các Ban HĐND ở cấp xã tại nội dung thứ hai điểm a khoản 1 như sau:

"Chi xây dựng quyết định thành lập Đoàn giám sát (bao gồm cả kế hoạch giám sát) (đồng/văn bản): cấp xã 150.000 đồng;

Chi xây dựng đề cương giám sát (đồng/văn bản): cấp xã 225.000 đồng;

Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát (đồng/báo cáo): cấp xã 450.000 đồng.".

c) Khoản 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"4. Chi giám sát việc giải quyết kiến nghị cử tri:

a) Báo cáo thẩm tra báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của tri (đồng/báo cáo): cấp tỉnh 500.000 đồng, cấp huyện 350.000 đồng, cấp xã 250.000 đồng.

b) Báo cáo giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri trình HĐND (đồng/báo cáo): cấp tỉnh 3.000.000 đồng, cấp huyện 1.500.000 đồng, cấp xã 1.000.000 đồng.

c) Chi xây dựng Nghị quyết về việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình HĐND (đồng/nghị quyết): cấp tỉnh 2.500.000, cấp huyện 1.200.000 đồng, cấp xã 600.000 đồng."

d) Điểm a khoản 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"a) Chi cho việc xây dựng các văn bản phục vụ hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND và các phiên họp Thường trực HĐND".

đ) Điểm b khoản 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"b) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến chất vấn trình HĐND".

3. Mục V được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Khoản 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri (hỗ trợ cho địa phương nơi đại biểu HĐND tiếp xúc cử tri) nhằm trang trải chi phí cần thiết để tổ chức tiếp xúc cử tri như: trang trí, thuê địa điểm, nước uống và các khoản chi khác

(đồng/điểm): cấp tỉnh 2.000.000 đồng, cấp huyện 1.000.000 đồng, cấp xã 500.000 đồng."

b) Điểm a khoản 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"a) Đại biểu Hội đồng nhân dân được khoán chi tiếp xúc cử tri với mức chi như sau (đồng/người/năm): cấp tỉnh 2.400.000 đồng, cấp huyện 1.200.000 đồng, cấp xã 600.000 đồng. Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu HĐND (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức chi tương ứng".

c) Khoản 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"3. Chi xây dựng báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri của các Tổ đại biểu"

d) Bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri (đồng/văn bản): cấp tỉnh 600.000 đồng, cấp huyện 400.000 đồng, cấp xã 300.000 đồng".

4. Mục VI được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Điểm b và điểm c khoản 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"b) Cán bộ, công chức được mời dự tiếp công dân

c) Cán bộ, công chức phục vụ tiếp công dân"

b) Bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Chi xây dựng thông báo kết luận tiếp công dân của Thường trực HĐND (đồng/văn bản): cấp tỉnh 500.000 đồng, cấp huyện 350.000 đồng, cấp xã 250.000 đồng".

5. Mục VII được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Mục VII được sửa đổi, bổ sung như sau:

"VII. Chế độ chi cho công tác xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hằng năm; chi xây dựng báo cáo, Tờ trình của Đảng đoàn HĐND, Thường trực HĐND và các Ban HĐND"

b) Khoản 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Chi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hằng năm của Đảng đoàn HĐND, Thường trực HĐND và các Ban HĐND".

c) Bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Chi xây dựng Đề án của Đảng đoàn HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND và Văn phòng HĐND tỉnh:

a) Chi xây dựng Đề án của Đảng đoàn HĐND tỉnh (đồng/đề án): cấp tỉnh 20.000.000 đồng.

b) Chi xây dựng Đề án của Thường trực, các Ban, Văn phòng HĐND tỉnh (đồng/đề án): cấp tỉnh 15.000.000 đồng."

6. Khoản 2 Mục VIII được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Chi các cuộc họp của Đảng đoàn HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND; các phiên họp của Thường trực HĐND; các cuộc họp của Văn phòng HĐND để chuẩn bị cho kỳ họp HĐND".

7. Mục IX được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Khoản 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Mỗi nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND tỉnh được cấp tiền may 02 bộ lễ phục; đại biểu HĐND cấp huyện, đại biểu HĐND cấp xã được cấp tiền may 01 bộ lễ phục (đồng/bộ): cấp tỉnh 4.500.000 đồng, cấp huyện 3.500.000 đồng, cấp xã 2.500.000 đồng."

b) Khoản 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Chế độ hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, nghỉ dưỡng hằng năm của đại biểu HĐND (đồng/người/năm): cấp tỉnh 3.000.000 đồng, cấp huyện 1.500.000 đồng, cấp xã 750.000 đồng. Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu HĐND (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức chi tương ứng".

c) Bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Chi hỗ trợ hàng tháng cho đại biểu HĐND chuyên trách:

a) Chủ tịch HĐND (đồng/người/tháng): cấp tỉnh 1.600.000 đồng, cấp huyện 1.000.000 đồng, cấp xã 300.000 đồng.

b) Phó Chủ tịch HĐND (đồng/người/tháng): cấp tỉnh 1.500.000 đồng, cấp huyện 900.000 đồng, cấp xã 300.000 đồng.

c) Trưởng các Ban HĐND (đồng/người/tháng): cấp tỉnh 1.400.000 đồng, cấp huyện 700.000 đồng.

d) Chánh Văn phòng HĐND tỉnh (đồng/người/tháng): 1.400.000 đồng.

đ) Phó các Ban HĐND (đồng/người/tháng): cấp tỉnh 1.300.000 đồng, cấp huyện 600.000 đồng."

d) Bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Chi hỗ trợ cho Ủy viên các Ban HĐND (đồng/người/tháng): cấp tỉnh 300.000 đồng, cấp huyện 200.000 đồng".

đ) Bổ sung khoản 8 như sau:

"8. Chi hỗ trợ cho đại biểu HĐND về thông tin liên lạc, nghiên cứu tài liệu giám sát, kỳ họp (đồng/người/tháng): cấp tỉnh 300.000 đồng, cấp huyện 150.000 đồng, cấp xã 75.000 đồng".

e) Bổ sung khoản 9 như sau:

"9. Chi hỗ trợ công tác phí cho đại biểu HĐND khi tham gia đoàn công tác của Thường trực và các Ban HĐND tỉnh (đồng/người/ngày):

a) Đoàn công tác trong tỉnh (đồng/người/ngày): 80.000 đồng;

b) Đoàn công tác ngoài tỉnh (đồng/người/ngày): 200.000 đồng"

8. Mục X được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Khoản 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Chế độ tặng quà được thực hiện với các đối tượng sau: các đối tượng chính sách - xã hội; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp đối với hoạt động của HĐND tỉnh; gia đình, cá nhân gặp rủi ro do thiên tai; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội khi Đoàn của Hội đồng nhân dân tổ chức thăm hỏi thì được tặng quà, mức giá trị quà tặng tối đa cho mỗi lần thăm hỏi được quy định gồm:"

b) Bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức và người lao động phục vụ hoạt động của HĐND:

a) Công chức, viên chức (đồng/người/tháng): cấp tỉnh 1.000.000 đồng;

b) Người lao động (đồng/người/tháng): cấp tỉnh 900.000 đồng.".

c) Bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Mức chi hoạt động tham vấn ý kiến nhân dân:

a) Hoạt động điều tra xã hội học

- Lập mẫu phiếu điều tra (đồng/mẫu phiếu): cấp tỉnh 500.000 đồng;

- Chi trả thù lao người cung cấp thông tin (đồng/phiếu): cấp tỉnh 30.000 đồng;

- Chi trả thù lao người đi điều tra (đồng/phiếu): cấp tỉnh 10.000 đồng.

b) Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham vấn (đồng/báo cáo): cấp tỉnh 1.000.000 đồng."

Điều 2.

a) Bỏ cụm từ "để phục vụ kỳ họp HĐND" trong "Chi xây dựng báo cáo, tờ trình (để phục vụ kỳ họp HĐND) của Đảng Đoàn HĐND; báo cáo, Tờ trình của Thường trực HĐND; báo cáo định kỳ trình HĐND, Thường trực HĐND của các Ban HĐND" tại khoản 2 Mục VII.

b) Bỏ cụm từ "Đoàn ĐBQH và" trong cụm từ "Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh" tại các khoản 3, điểm a, b khoản 4, điểm b khoản 5 Mục X.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XII, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Những nội dung khác của Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh không sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc của Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu : VT, KTNS(2). H_{180}.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân